

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/HS-ST
Ngày 02 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Minh Luân
- Bà Trần Thị Ngọc Trân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Lý Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HS ngày 13/3/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1985, tại Hậu Giang.

Nơi ĐKTT: Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị N, vợ thứ nhất: Thị Sóc K1, vợ thứ hai Trịnh Thùy L, có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam 22/8/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh K (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Bùi Hào T, Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (có mặt)

- **Bị hại:** Bà Đào Thị Tuyết S, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Số A N, K, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số H đường C, Khu phố C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Nguyễn Anh N1, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số E L, phường V (nay là phường V), thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Trịnh Thùy L, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm C, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Nguyễn Hoàn K2, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với nhau từ trước nên vào ngày 16/3/2022 Đào Thị Tuyết S có làm Hợp đồng thuê 01 chiếc xe cuốc hiệu HuynDai Robex 2200LC-3 (gọi là xe 09, nhưng không làm thủ tục đăng ký) của Trần Văn C với giá 35.000.000 đồng/tháng, trong thời hạn 01 năm nhưng S không sử dụng và biết Nguyễn Hoàng K đang có nhu cầu thuê xe cuốc để làm công trình nên S điện thoại thỏa thuận cho K thuê lại chiếc xe này với giá tiền, thời hạn thuê như trên và trả tiền thuê xe vào đầu tháng thì K đồng ý. Đến sáng ngày 24/3/2022, K đến khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nhận chiếc xe cuốc trên rồi chuyển tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng của Đào Thị Tuyết S để thanh toán tiền thuê xe. Sau khi nhận được xe cuốc, K không sử dụng để làm công trình mà mang đi bán cho Nguyễn Hoàn K2 tại ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang với giá 300.000.000 đồng (giấy mua bán ngày 24/3/2022, bản photo). Đến ngày 29/3/2022, K2 mang chiếc xe cuốc này đến chỗ Vừa phé liệu ở xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cầm cho Bùi Văn T1 với giá 300.000.000 đồng, trong thời hạn là 15 ngày (giấy thế chấp xe viết tay ngày 29/3/2022, bản photo). Sau đó K2 thỏa thuận bán chiếc xe cuốc này cho Nguyễn Anh N1 là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng Tuấn K3 ở xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang với giá 420.000.000 đồng nhưng không làm Hợp đồng mua bán.

Sau khi nhận được chiếc xe cuốc, K không sử dụng để làm công trình mà mang đi bán cho Nguyễn Hoàn K2 lấy tiền sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 22/8/2024 K bị bắt theo Quyết định truy nã số 423 ngày 17/3/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:**

- Thu giữ của Nguyễn Anh N1: 01 (Một) chiếc xe đào hiệu HuynDai Robex 2200LC-3 màu vàng (Đã qua sử dụng).

- Thu giữ của Trần Văn C gồm:

+ 01 (Một) tờ giấy ghi tên Nguyễn Hoài N2 đề ngày 04/6/2020 ghi nội dung bán 01 máy xúc đào HuynDai Robex 2200LC-3, SX: 2003, SK: EM0210477; giá tiền 582.000.000đ và tiền vận chuyển là 14.000.000đ (Bản gốc) – có sửa năm 2020 (cuối dòng).

+ 01 (Một) Hợp đồng mua bán số: 46/HĐMB ngày 04/6/2020 của Công ty TNHH Đ (Bản gốc).

+ 01 (Một) Biên bản bàn giao đề ngày 04/6/2020 có chữ ký của ông Trần Văn C (Bản gốc).

+ 01 (Một) Hóa đơn giá trị gia tăng đề ngày 04/6/2020 (Bản gốc).

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và Bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu đề ngày 20/02/2019 (Bản gốc).

+ 03 (Ba) tờ khai hàng hóa nhập khẩu – thông quan (Bản photo).

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 86/KL-HĐĐGTS ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc UBND tỉnh K kết luận về giá của tài sản như sau: 01 (một) chiếc xe đào hiệu HuynDai Robex 2200LC-3 màu vàng (đã qua sử dụng); số khung: EM0210477, số máy: D6BRM057421 có giá trị tại thời điểm định giá ngày 24/3/2022 là **387.500.000** đồng (*Ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

* **Xử lý vật chứng đã thu giữ trong vụ án:** Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã xử lý trả lại cho Trần Văn C là chủ sở hữu gồm:

- 01 (Một) chiếc xe đào hiệu HuynDai Robex 2200LC-3 màu vàng (Đã qua sử dụng).

- 01 (Một) tờ giấy ghi tên Nguyễn Hoài N2 đề ngày 04/6/2020 ghi nội dung bán 01 máy xúc đào HuynDai Robex 2200LC-3, SX: 2003, SK: EM0210477; giá tiền 582.000.000đ và tiền vận chuyển là 14.000.000đ (Bản gốc) – có sửa năm 2020 (cuối dòng).

- 01 (Một) Hợp đồng mua bán số: 46/HĐMB ngày 04/6/2020 của Công ty TNHH Đ (Bản gốc).

- 01 (Một) Biên bản bàn giao đề ngày 04/6/2020 có chữ ký của ông Trần Văn C (Bản gốc).

- 01 (Một) Hóa đơn giá trị gia tăng đề ngày 04/6/2020 (Bản gốc).

- 01 (Một) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và Bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu đề ngày 20/02/2019 (Bản gốc).

- 03 (Ba) tờ khai hàng hóa nhập khẩu – thông quan (Bản photo).

* **Về trách nhiệm dân sự:**

- Trong quá trình điều tra, Trịnh Thùy L (vợ của của K) đã chuyển tiền 530.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng của Đào Thị Tuyết S để S trả cho Nguyễn Anh N1 chuộc lại chiếc xe cuốc trên trả cho C nhưng S không trả cho N1 mà giữ số tiền trên lại.

- Nguyễn Anh N1 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cuốc trên trả cho Trần Văn C và yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000 đồng.

- Trần Văn C đã nhận lại chiếc xe cuốc trên và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

- Buộc Đào Thị Tuyết S phải nộp lại số tiền 530.000.000 đồng để trả cho Nguyễn Anh N1 số tiền 300.000.000 đồng, còn lại 230.000.000 đồng trả lại cho Trịnh Thùy L theo quy định. Ngày 16/12/2024 và ngày 10/01/2025, Đào Thị Tuyết

S đã nộp được 295.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007418 và 0007439 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, còn lại 235.000.000 đồng buộc S phải tiếp tục nộp lại để đảm bảo thi hành án.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT – VKS – P2 ngày 17/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng K về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa:**

- *Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:* Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự và nhận định: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

* *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có.

* *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục xong hậu quả cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng:* Khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; **Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng K – Mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.**

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc Đào Thị Tuyết S phải nộp lại số tiền 530.000.000 đồng để trả cho Nguyễn Anh N1 số tiền 300.000.000 đồng, còn lại 230.000.000 đồng trả lại cho Trịnh Thùy L theo quy định. Ngày 16/12/2024 và ngày 10/01/2025, Đào Thị Tuyết S đã nộp được 295.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007418 và 0007439 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, còn lại 235.000.000 đồng buộc S phải tiếp tục nộp lại để đảm bảo thi hành án.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường thêm cho bị hại số tiền thuê xe là 150.000.000 đồng.

Luật sư T phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo: Thống nhất tội danh và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Ngoài ra, mong HĐXX xem xét thêm tình tiết, tại phiên tòa bị cáo cũng tự nguyện bồi thường tiền thuê xe cho bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hiện nay bị cáo có dấu hiệu của bệnh ung thư vòm họng. Mức án đề nghị xử phạt bị cáo còn quá nghiêm khắc, xử phạt bị cáo mức án đầu khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người liên quan, Luật sư không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi bị truy tố của bị cáo:

Do quen biết với nhau từ trước nên vào ngày 24/3/2022, tại khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, Nguyễn Hoàng K sau khi thuê được 01 chiếc xe cuốc hiệu HuynDai Robex 2200LC-3 (do Trần Văn C làm chủ sở hữu) của Đào Thị Tuyết S nhưng K không sử dụng để làm công trình mà mang đi bán cho Nguyễn Hoàn K2 tại ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang với giá 300.000.000 đồng, rồi lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Giá trị 01 chiếc xe cuốc trên đã bị K chiếm đoạt tại thời điểm định giá là **387.500.000** đồng. Do đó, hành vi của bị cáo phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bà S (người quản lý hợp pháp tài sản), thông qua hợp đồng cho thuê tài sản, bị cáo có được tài sản, sau đó không sử dụng đúng như mục đích thuê mà đem đi cầm cố, bán cho người khác để lấy tiền tiêu xài thỏa thích, không nghĩ đến hậu quả mình đã gây nên. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường tài sản hợp pháp của người khác. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi mà bị cáo đã gây nên, đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tính cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mang tính răn đe đối với loại tội phạm này.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên áp dụng

quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, ông Nguyễn Anh N1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 300.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bà Trịnh Thùy L đã chuyển tiền 530.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng của Đào Thị Tuyết S để trả cho ông Nguyễn Anh N1 nhưng S không trả, mà giữ số tiền trên lại. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà S trả lại số tiền còn dư cho bà. Do đó, buộc bà S phải nộp lại số tiền 530.000.000 đồng để trả cho ông N1 số tiền 300.000.000 đồng, còn lại 230.000.000 đồng trả lại cho bà L.

Ngày 16/12/2024 và ngày 10/01/2025, bà S đã nộp được 295.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007418 và 0007439 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, số tiền này ưu tiên thanh toán cho ông N1. Buộc bà S phải tiếp tục nộp số tiền 235.000.000 đồng còn lại để trả cho ông N1 5.000.000 đồng còn lại và trả cho bà L 230.000.000 đồng.

- Đối với số tiền thuê xe giữa bị cáo và bị hại: Tại phiên tòa, bị hại và bị cáo thống nhất thỏa thuận bị cáo sẽ tiếp tục trả tiền thuê xe cho bị hại thêm số tiền 150.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

- Đối với ông Trần Văn C đã nhận lại chiếc xe cuộc và không có yêu cầu xem xét gì thêm trong vụ án. Đối với hợp đồng thuê xe của ông C và bị hại S là giao dịch dân sự, không liên quan trong vụ án hình sự này, nên nếu ông C có yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê xe với bà S thì khởi kiện thành một vụ án dân sự khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về đánh giá tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức án xử phạt bị cáo là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Luật sư: Về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị xử phạt bị cáo mức án đầu khoản 2 Điều 175 BLHS là không phù hợp, chưa tương xứng với tính chất, hậu quả mà bị cáo đã gây ra, do đó, HĐXX không chấp nhận đề nghị này của Luật sư.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch trên số tiền còn lại phải trả cho bà S (150.000.000 đồng x 5%) là 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Hoàng K** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hoàng K - 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bà Đào Thị Tuyết S phải trả cho ông Nguyễn Anh N1 số tiền 300.000.000 đồng, khấu trừ số tiền 295.000.000 đồng bà S đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007418 và 0007439 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, như vậy bà S còn phải nộp thêm số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), để trả cho ông N1.

Buộc bà Đào Thị Tuyết S nộp lại số tiền còn lại 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang để trả lại cho bà Trịnh Thùy L.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại Đào Thị Tuyết S về việc bị cáo tiếp tục trả lại cho bà S tiền thuê xe là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự giá ngạch.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo, bị hại; NLQ (5);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Quang